

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Sinh thái học
Mã ngành:	8420120
Nhóm ngành:	Sinh học
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Sinh học

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Sinh thái học
Mã ngành:	8420120
Nhóm ngành:	Sinh học
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Sinh học

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực Sinh thái học để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, phục vụ đời sống xã hội, giảng dạy, hội nhập quốc tế và có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi môi trường tự nhiên và khoa học công nghệ.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình cao học, học viên:

O1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

O2. Có năng lực phân biện khoa học, giải quyết sáng tạo, tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn, thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học-công nghệ và sự biến đổi của môi trường tự nhiên.

O3. Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề nghiên cứu thực tiễn trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực sinh thái học hiệu quả.

O4. Thực hiện được các nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực sinh thái học hiệu quả.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn

Mã CDR	Mô tả
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề nghiên cứu thực tiễn trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực sinh thái học hiệu quả	
PI 4.1	<i>Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về sinh thái học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về hệ sinh thái.</i>
PI 4.1.1	Xác định được các vấn đề thực tiễn về hệ sinh thái
PI 4.1.2	Phân tích được bản chất của các vấn đề thực tiễn liên quan đến hệ sinh thái
PI 4.1.3	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về hệ sinh thái
PI 4.2.	<i>Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về sinh thái học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về phát triển bền vững</i>
PI 4.2.1	Xác định được các vấn đề thực tiễn về phát triển bền vững
PI 4.2.2	Tổng hợp được các yếu tố trong thực tiễn ảnh hưởng đến phát triển bền vững
PI 4.2.3	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về Sinh thái học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về phát triển bền vững
PI 4.3	<i>Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về sinh thái học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về đánh giá và bảo tồn chất lượng sinh thái môi trường</i>
PI 4.3.1	Xác định được các vấn đề thực tiễn về việc đánh giá và bảo tồn sinh thái môi trường
PI 4.3.2	Phân tích được các dữ liệu để đánh giá chất lượng môi trường sinh thái trong thực tiễn
PI 4.3.3	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về Sinh thái học để đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học gắn với đời sống thực tiễn

Mã CDR	Mô tả
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả	
PI 5.1	<i>Lập được kế hoạch nghiên cứu khoa học về sinh thái ứng dụng</i>
PI 5.1.1	Xác định được vấn đề thực tiễn, mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nội dung nghiên cứu
PI 5.1.2	Tổng quan được các thông tin, dữ liệu cơ bản liên quan vấn đề nghiên cứu
PI 5.1.3	Lựa chọn được các phương pháp, kĩ thuật và công cụ nghiên cứu phù hợp trong nghiên cứu sinh thái ứng dụng
PI 5.1.4	Viết được đề cương nghiên cứu theo quy chuẩn của văn bản khoa học, quy định của Trường về hướng ứng dụng
PI 5.2	<i>Tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học về sinh thái ứng dụng</i>
PI 5.2.1	Tổng quan được các vấn đề thực trạng liên quan đến dự án/đề án/đề án
PI 5.2.2	Xây dựng được kế hoạch, tiến độ thực hiện hợp lí để hoàn thành dự án/đề án/đề án đúng thời gian quy định trong chương trình đào tạo
PI 5.2.3	Sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật và công cụ nghiên cứu phù hợp để thực hiện dự án/đề án/đề án
PI 5.2.4	Phân tích được quy trình thực hiện, kết quả của việc ứng dụng các kĩ thuật chuyên ngành vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Sinh thái học
PI 5.2.5	Đề xuất được các giải pháp mới/phù hợp để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn liên quan đến chuyên ngành Sinh thái học
PI 5.2.6	Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp liên quan đến Sinh thái học
PI 5.2.7	Viết được báo cáo tổng kết dự án/đề án/đề án đáp ứng các yêu cầu của một báo cáo khoa học, đúng quy định của một luận văn thạc sĩ

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Sinh thái học có thể làm việc ở những vị trí:

- Giáo viên giảng dạy phần Sinh học ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên
- Giảng viên giảng dạy Sinh thái học và các nội dung có liên quan ở các trường cao đẳng và đại học

- Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực Sinh thái học.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ năng lực và trình độ tiếp tục học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc chuyên ngành Sinh thái học.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5

F	0,0
---	-----

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

T T	Tên trường	Tên chương trình	Link chương trình tham khảo
1	Univ. of Glasgow	Ecology & Environmental biology Mres	https://www.gla.ac.uk/postgraduate/taught/ecologyenvironmentalbiology/
2	Oxford Brookes Univ	Conservation Ecology	https://www.brookes.ac.uk/courses/postgraduate/conservation-ecology
3	Liverpool Hope University	Ecology and Environmental Management	https://www.hope.ac.uk/postgraduate/postgraduatecourses/ecologyenvironmentalmanagementmsc/
4	Nottingham Trent Univ	Conservation and Ecology	https://www.ntu.ac.uk/course/conservation-ecology
5	Ewha Womans Univ	Ecoscience	http://my.ewha.ac.kr/ecoscience/

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ *Về văn bằng*

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành

chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Sinh học đại cương.

- Môn cơ sở: Sinh thái học.

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

- Các chuyên ngành phù hợp: Cử nhân Sinh học, Sư phạm Sinh học
- Ngành gần (học bổ sung kiến thức): Cử nhân Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Sinh học, Sinh học ứng dụng, Nông nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	STHBD01	Sinh thái học	2	30	
2	STHBD02	Tiến hoá và đa dạng sinh học	2	30	
3	STHBD03	Thực vật học	2	30	
4	STHBD04	Động vật học	2	30	
5	STHBD05	Vì sinh vật học	2	30	
Tổng số tín chỉ			10		

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	4	6,6	4	-	-	-
Kiến thức chuyên ngành	39	63,9	21	53,8	18	46,2
Thực tập	9	14,8	9	-	-	-
Đề án tốt nghiệp	9	14,8	9	-	-	-
Tổng	61	100	43		18	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH , TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		4				
1	08STHO1001	Triết học	3			40	60
2	08STHO1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			50	50
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				
	Học phần bắt buộc		21				
3	08STHO2003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	45	0	50	50
4	08STHO2004	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới	3	45	0	50	50
5	08STHO2005	Sinh thái môi trường đất	3	45	0	50	50
6	08STHO2006	Hệ sinh thái đất ngập nước	3	45	0	50	50
7	08STHO2008	Tài nguyên sinh vật	3	30	15	50	50
8	08STHO2007	Sinh thái biển	3	30	15	50	50
9	08STHO2010	Sinh thái phát triển	3	45	0	50	50
	Học phần tự chọn (chọn 6 học phần)		18				
10	08STHO2011	Sinh thái học phân tử	3	45	0	50	50
11	08STHO2012	Sinh thái học quần thể	3	30	15	50	50

12	08STHO2013	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	3	45	0	50	50
13	08STHO2014	Sinh thái nhân văn	3	30	15	50	50
14	08STHO2015	Sinh thái sinh lí động vật	3	30	15	50	50
15	08STHO2016	Môi trường nông nghiệp, nông thôn	3	30	15	50	50
16	08STHO2017	Sinh thái học Vi sinh vật	3	30	15	50	50
17	08STHO2018	Sinh thái môi trường ứng dụng	3	45	0	50	50
18	08STHO2019	Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường sinh thái	3	45	0	50	50
19	08STHO2020	Công nghệ nano và môi trường	3	45	0	50	50
20	08STHO2021	Đánh giá và quản lí hệ sinh thái thủy vực	3	45	0	50	50
21	08STHO2022	Tài nguyên tảo	3	45	0	50	50
III	THỰC TẬP		9				
22	08STHO4023	Thực tập	9				
IV	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9				
23	08STHO5024	Đề án	9				
	Tổng số tín chỉ		61				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 16 tín chỉ bắt buộc)		
08STHO100 1	Triết học	3
08STHO100 2	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08STHO200 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3
08STHO200 4	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới	3
08STHO200 5	Sinh thái môi trường đất	3
08STHO200 6	Hệ sinh thái đất ngập nước	3

Học kì 2 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 9 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn)		
08STHO200 8	Tài nguyên sinh vật	3
08STHO200 7	Sinh thái biển	3
08STHO201 0	Sinh thái phát triển	3
	Học phần tự chọn thứ nhất	3
	Học phần tự chọn thứ hai	3
	Học phần tự chọn thứ ba	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 9 tín chỉ Thực tập và 9 tín chỉ tự chọn)		
08STHO402 3	Thực tập	9
	Học phần tự chọn thứ tư	3
	Học phần tự chọn thứ năm	3
	Học phần tự chọn thứ sáu	3
Học kì 4 (Tổng cộng: 9 tín chỉ đề án, đồ án, dự án tốt nghiệp)		
08STHO502 4	Đề án tốt nghiệp	9

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO1001

- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08STHO1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học gồm 8 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên biết được khái niệm, phân loại, lý thuyết và bộ môn khoa học; tiêu chí đánh giá khoa học; cách trình bày luận điểm khoa học; cách thực hiện các công việc trong nghiên cứu khoa học; hiểu và giải thích được trình tự các bước trong nghiên cứu khoa học; hiểu được tầm quan trọng trong việc thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học bằng các phần mềm xử lý Sinh thái học; xây dựng được đề cương và biết được cách trình bày luận văn thạc sĩ; biết cách viết một bài báo khoa học.

4. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2004
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gồm 8 phần lý thuyết, bao gồm: Nghiên cứu phân loại hệ sinh thái rừng nhiệt đới; Các nhân tố sinh thái phát sinh hệ sinh thái rừng;

Tác động của các nhân tố môi trường đến hệ sinh thái rừng; Diễn thế hệ sinh thái rừng nhiệt đới; Giá trị của hệ sinh thái rừng nhiệt đới; Các nhân tố làm biến đổi hệ sinh thái rừng nhiệt đới; Quản lý và bảo tồn hệ sinh thái rừng nhiệt đới; Những hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dùng để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực Sinh thái học.

5. Sinh thái môi trường đất

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2005
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần có 11 phần lí thuyết. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần cung cấp kiến thức về hệ sinh thái đất - nguồn gốc phát sinh, thành phần cùng các biến đổi về đặc tính lí, hóa và sinh học dưới tác động của thiên nhiên và hoạt động của con người; nguyên nhân gây suy thoái và cơ sở khoa học của các biện pháp sử dụng bền vững hệ sinh thái đất.

6. Hệ sinh thái đất ngập nước

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2006
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Hệ sinh thái đất ngập nước gồm 7 phần lí thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học lĩnh hội những kiến thức về phân bố, phân loại, những đặc trưng sinh thái, vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước; hiện trạng, nguyên nhân suy thoái hệ sinh thái đất ngập nước; các biện pháp khôi phục, quản lí và sử dụng bền vững hệ sinh thái này.

7. Tài nguyên sinh vật

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2008
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 6 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng và có hệ thống về sự đa dạng, phong phú của nguồn tài nguyên sinh vật trong các loại hình sinh thái ở Việt Nam. Giúp học viên nhận thấy được tầm quan trọng trong việc khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh vật một cách bền vững.

8. Sinh thái biển

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái biển gồm 12 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức tương đối có hệ thống về các vấn đề sinh thái trong môi trường biển và đặc trưng các hệ sinh thái biển. Định hướng tư duy để học viên có nhãn quan khoa học trong đánh giá thực tiễn quản lý tài nguyên và môi trường biển và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sau khi ra trường. Một phần Thực hành tổ chức thực địa ở một vùng ven biển có các đặc trưng tiêu biểu của một hay nhiều hệ sinh thái. Thời gian dự kiến: 1 - 2 ngày.

9. Sinh thái phát triển

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2010
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái phát triển gồm 7 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành sinh thái. Nội dung học phần cung cấp kiến thức về Nông nghiệp Sinh thái, Công nghiệp sinh thái, Đô thị sinh thái, Du lịch

sinh thái, Sinh thái nhân văn, Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đến hệ sinh thái môi trường. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng trong học phần để giải quyết các vấn đề nghiên cứu liên quan nội dung trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả.

10. Sinh thái học phân tử

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2011
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái học phân tử gồm 7 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học xác định được tầm quan trọng của sinh học phân tử trong nghiên cứu Sinh thái học, phân biệt được các marker phân tử, phân tích được dữ liệu trình tự DNA để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Sinh thái học như đa dạng di truyền và phát sinh chủng loài.

11. Sinh thái học quần thể

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2012
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái học quần thể bao gồm 03 phần lý thuyết và 3 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp học viên có kiến thức về cấu trúc của các quần thể cùng loài và sự tương tác giữa các quần thể khác loài, cũng như hiểu rõ hơn các vấn đề ở quần thể người.

12. Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2013
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Đa dạng sinh học và Bảo tồn thiên nhiên gồm 5 phần lí thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học trên thế giới và ở Việt Nam, giá trị của đa dạng sinh học đối với cuộc sống của con người, đối với môi trường và những mối đe dọa đến đa dạng sinh học; cần phải có kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ các vườn Quốc gia, các Khu Bảo tồn Thiên nhiên, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên sinh vật.

13. Sinh thái nhân văn

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2014
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái nhân văn gồm 5 phần lí thuyết. Học phần này là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành sinh thái. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học lĩnh hội những kiến thức về hệ sinh thái nhân văn bao gồm các phương pháp tiếp cận và đánh giá; cấu trúc, đặc tính và giá trị; nguy cơ đe dọa hệ sinh thái nhân văn và giải pháp đảm bảo phát triển bền vững. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng trong học phần để giải quyết các vấn đề nghiên cứu liên quan nội dung sinh thái nhân văn thuộc lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả.

14. Sinh thái sinh lí động vật

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08STHO2015
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Sinh thái sinh lí động vật gồm 9 phần lí thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về sinh thái sinh lí động vật: sự đa dạng của đời sống sinh vật đặc biệt là những chức năng sinh lí cho phép động vật sống và phát triển trong các môi trường khác nhau; sự đa dạng trong nghiên cứu sinh lí học và tầm quan trọng của việc kết hợp giữa nghiên cứu sinh lí học với sinh thái học và tập tính;

tầm quan trọng của tiến hoá trong quá trình phát triển các chức năng sinh lí của cá thể sinh vật. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng về sinh thái sinh lí động vật để giải quyết các vấn đề chuyên sâu về hệ sinh thái cũng như các vấn đề chuyên sâu về phát triển bền vững.

15. Môi trường nông nghiệp, nông thôn

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2016

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần gồm có 8 phần lí thuyết và 1 phần thực hành gồm có: Phần 1 – Hiện trạng và đề xuất sử dụng đất hợp lí trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững, Phần 2 – Hệ thống nông nghiệp, Phần 3 - Đất và phân bón, Phần 4 - Nước đối với đời sống, nông nghiệp, nông thôn, Phần 5 - Sản xuất nông nghiệp trên đất phèn, Phần 6 - Sản xuất nông nghiệp trên đất dốc, Phần 7 - Sản xuất nông nghiệp trên đất mặn, Phần 8 - Sản xuất nông nghiệp sạch. Phần thực hành về Thực địa khảo sát hệ sinh thái, môi trường nông nghiệp, nông thôn. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành sinh thái dùng để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả.

16. Sinh thái học Vi sinh vật

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2017

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần gồm có 5 phần lí thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các phương pháp nghiên cứu sinh thái vi sinh vật, các hệ sinh thái vi sinh vật, mối quan hệ cộng sinh của vi sinh vật với các sinh vật khác, vai trò của vi sinh vật trong chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên, ứng dụng của sinh thái học. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức, kĩ năng về sinh thái vi sinh vật để giải quyết các vấn đề chuyên sâu về hệ sinh thái cũng như các vấn đề chuyên sâu về phát triển bền vững.

17. Sinh thái môi trường ứng dụng

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2018

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Sinh thái môi trường ứng dụng gồm 7 phần lí thuyết. Học phần này là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành sinh thái. Học phần có vai trò quan trọng giúp người học lĩnh hội những kiến thức về sinh thái môi trường đất ướt, phú dưỡng hóa, ảnh hưởng của mưa acid, chiến tranh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón lên sinh thái môi trường, ứng dụng của sinh thái môi trường. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng về sinh thái môi trường ứng dụng để giải quyết các vấn đề chuyên sâu về hệ sinh thái cũng như các vấn đề chuyên sâu về phát triển bền vững.

18. Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường sinh thái

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2019

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường sinh thái gồm 6 phần lí thuyết và phần thực hành ngoài thực địa, phân tích trong phòng thí nghiệm. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức tổng hợp về các nguyên lí của thủ tục, phương pháp kĩ thuật, công nghệ và cách tổ chức đảm bảo kiểm soát một cách có hệ thống trạng thái, khuynh hướng phát triển của các quá trình tự nhiên và nhân tạo trong môi trường sinh thái; bao gồm: Tổng quan về hoạt động quan trắc môi trường; Phân tích chất lượng môi trường; Xây dựng chương trình quan trắc; Thu thập và xử lí mẫu trong quan trắc môi trường; Xử lí kết quả quan trắc; Đánh giá kết quả và công bố kết quả quan trắc. Trên cơ sở này, người học có thể ứng dụng kiến thức, kĩ năng về quan trắc và phân tích chất lượng môi trường phục vụ cho hoạt động theo dõi và quan sát một cách có hệ thống các thành

phần của môi trường sinh thái, các yếu tố tác động lên môi trường đất, nước và không khí.

19. Công nghệ nano và môi trường

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2020

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Công nghệ nano và môi trường gồm có 8 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này giúp người học xác định được các vấn đề liên quan đến công nghệ nano, từ đó vận dụng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hệ sinh thái, môi trường.

20. Đánh giá và quản lý hệ sinh thái thủy vực

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2021

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Đánh giá và quản lý hệ sinh thái thủy vực gồm 4 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp phân tích và đánh giá hệ sinh thái thủy vực và các thủy sinh vật có liên quan. Vận dụng kiến thức môn học trong nghiên cứu và đánh giá để quản lý tài nguyên và môi trường ở các hệ sinh thái thủy vực.

21. Tài nguyên tảo

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08STHO2022

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Tài nguyên tảo gồm có 6 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này giúp người học xác định được

các vấn đề liên quan đến tài nguyên tảo, từ đó vận dụng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hệ sinh thái.

22. Thực tập

- Số tín chỉ: 9

- Mã học phần: 08STHO4023

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Học phần Thực tập có 3 nội dung. Học phần này là học phần bắt buộc trong khối Thực tập theo định hướng ứng dụng. Thông qua học phần, người học vận dụng kiến thức và năng lực chuyên ngành để nghiên cứu tổng quan và phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn chuyên sâu thuộc lĩnh vực chuyên ngành Sinh thái học theo định hướng ứng dụng.

23. Đề án

- Số tín chỉ: 9

- Mã học phần: 08STHO5024

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: không

- Nội dung:

Đề án tốt nghiệp thuộc nhóm học phần tốt nghiệp và là công trình nghiên cứu khoa học về một vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành Sinh thái học có ý nghĩa khoa học và thực tiễn; có thể ứng dụng; không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố. Thông qua thực hiện đề án tốt nghiệp, học viên vận dụng được các phương pháp, công cụ nghiên cứu phù hợp, cùng với kiến thức và kỹ năng của chuyên ngành Sinh thái học để xác định và giải quyết hiệu quả một vấn đề của thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
----------------	------------------	--------------------------------	-------------------------------------	------------------------------

1	Phạm Văn Ngọt	TS	Sinh thái học	Hệ sinh thái đất ngập nước Thực tập nghiên cứu một số hệ sinh thái Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên
2	Tổng Xuân Tám	PGS. TS	Động vật học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Sinh thái biển Tài nguyên sinh vật
3	Phạm Cử Thiện	TS	Kí sinh trùng và Vệ sinh môi trường	Sinh thái phát triển Sinh thái nhân văn
4	Trần Thị Tường Linh	TS	Nông nghiệp	Sinh thái môi trường đất Độc chất học môi trường Môi trường nông nghiệp, nông thôn
5	Nguyễn Thị Thương Huyền	TS	Sinh lí người và động vật	Sinh thái sinh lí động vật Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
6	Nguyễn Như Hoa	TS	Công nghệ Sinh học	Sinh thái học phân tử Sinh thái học quần thể
7	Trần Thị Minh Định	TS	Vi sinh vật học	Sinh thái học Vi sinh vật

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
--------	-----------	-----------------	----------------------	-----------------------

1	Nguyễn Thị Lan Thi	TS	Nông nghiệp	Môi trường nông nghiệp, nông thôn Tài nguyên sinh vật
2	Phạm Văn Hòa	TS	Động vật học	Sinh thái biển
3	Trần Hoàng Dũng	PGS. TS	Công nghệ Sinh học	Sinh thái học phân tử
4	Đặng Văn Sơn	TS	Thực vật học	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới Thực tập nghiên cứu một số hệ sinh thái
5	Nguyễn Đức Hưng	TS	Sinh thái học	Sinh thái học quần thể Sinh thái nhân văn
6	Lâm Văn Hà	TS	Nông nghiệp	Sinh thái môi trường đất
7	Đặng Thị Ngọc Thanh	TS	Vi sinh vật học	Sinh thái học Vi sinh vật
8	Vũ Cẩm Lương	PGS. TS	Nuôi trồng thủy sản và quản lý nguồn lợi thủy sản	Đánh giá và quản lý hệ sinh thái thủy vực

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm Giải phẫu - Sinh lý người và động vật

- Phòng thí nghiệm Động vật

- Phòng thí nghiệm Thực vật - Sinh thái

- Phòng thí nghiệm Sinh lý thực vật - Phương pháp dạy học

- Phòng thí nghiệm Sinh hóa - Vi sinh

- Phòng thí nghiệm Di truyền - Tiến hóa

- Phòng thí nghiệm Sinh học trung tâm

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.

- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Đây là chương trình ngành Sinh thái học trình độ cao học, đào tạo theo hệ thống tín chỉ dùng cho hệ chính quy tập trung.

Chương trình xác định rõ mục tiêu đào tạo và nội dung đáp ứng với chuẩn đầu ra, vì vậy:

- Giảng viên phải đảm bảo đúng tiến độ; đáp ứng đầy đủ mục tiêu, nội dung, cách đánh giá của học phần được phân công giảng dạy.
- Mỗi học viên phải tích lũy đủ 61 tín chỉ và cần tham khảo ý kiến các giảng viên thuộc Bộ môn Sinh thái học để lựa chọn đúng các học phần. Học viên phải đi thực tập nghiên cứu thiên nhiên.
- Các học viên sẽ được đăng kí làm đề tài luận văn thạc sĩ.

9.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

9.2.1. Định hướng về phương pháp thuyết giảng

- Phương pháp thuyết giảng phải đảm bảo 5 nguyên tắc: (1) Tính khoa học, tính nghiệp vụ và tính giáo dục; (2) Tính lí luận và tính thực tiễn; (3) Tính lí thuyết và tính thực hành; (4) Tính tập thể và tính cá thể; (5) Tính chủ đạo của giảng viên và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học viên;
- Tăng cường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật thuyết giảng tích cực, phương tiện thuyết giảng hiện đại;
- Tinh giản tối đa lí thuyết, tăng cường thảo luận, học tập theo nhóm, thực hành vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với thực tiễn.
- Lấy hoạt động của học viên làm trung tâm; nâng cao tính tích cực, độc lập, chủ động, sáng tạo của học viên; khai thác tối đa tiềm năng trí tuệ của cá nhân và tập thể; tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho học viên;
- Giúp học viên tự chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học và nghề nghiệp; hình thành hệ thống kĩ năng, kĩ xảo; hình thành thái độ tích cực với thực tiễn cuộc sống.

9.2.2. Định hướng về cách đánh giá kết quả đào tạo

- Đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu phải bám sát mục tiêu và chuẩn đầu ra để đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo;
- Phải đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá; tăng cường vận dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học viên;

- Kiểm tra, đánh giá phải chi tiết và bao quát các mặt về tiêu chí, tiêu chuẩn; dự đoán trước được kết quả; có tác dụng điều chỉnh;

- Đánh giá phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, toàn diện, hệ thống và phát triển nâng cao.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---